

Những
TINH TÚY
CHỌN LỌC
trong
KINH TẠNG
NIKĀYA

Vietnamese Language Translation copyright © 2024 by Vietnam Omega Books Joint Stock Company

BASIC TEACHINGS OF THE BUDDHA

Copyright © Glenn Wallis

All Rights Reserved.

NHỮNG TÍNH TÚY CHỌN LỌC TRONG KINH TẠNG NIKĀYA

Tác giả: Glenn Wallis

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2024

Bản dịch tiếng Việt © Phật học Tinh hoa Thế giới, 2024

Bản tiếng Việt được xuất bản theo thỏa thuận bản quyền và hợp tác giữa Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và Phật học Tinh hoa Thế giới

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và Phật học Tinh hoa Thế giới xuất bản, bìa mềm, 2025

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và Phật học Tinh hoa Thế giới xuất bản, bìa vải, 2025

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam – thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị – Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người và Tủ sách Y sinh. Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng, Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Wallis, Glenn

Những tính túy chọn lọc trong Kinh tạng Nikāya / Glenn Wallis bình giảng, chú thích ; Pháp Huệ dịch ; H.đ.:

Thuần Nguyên, Pháp Căn. - H. : Thế giới ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2025. - 296 tr. ; 24 cm

1. Đạo Phật 2. Kinh tạng Pāli 3. Giáo lý

294.382 - dc23

TGM0587p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản và truyền thông trên sách: truyenthong@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

Tiến sĩ Phật học Đại học Harvard

Glenn Wallis

Bình giảng và chú thích

Những
TINH TÚY
CHỌN LỌC
trong
KINH TẠNG
NIKĀYA

Pháp Huệ dịch

Thuần Nguyên, Pháp Cẩn hiệu đính



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

⊕MEGA⁺

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+

Phụ trách xuất bản: Trần Hoài Phương

Phụ trách bản quyền: Hà Ngân

Điều phối sản xuất: Giang Vũ

Biên tập viên: Omega+

Thiết kế bìa: Hoàng Duy Khánh

Trình bày: Vũ Lê Thư

Thư ký xuất bản: Giang Vũ

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG



TRẠM ĐỌC

<https://www.facebook.com/tramdocvn>

website: <http://tramdoc.vn/>



Dự án Phật Học Tinh Hoa Thế Giới tuyển chọn dịch các tác phẩm hàn lâm và cập nhật từ các chuyên gia Phật học hàng đầu nhân loại tại các đại học tốt nhất thế giới: Oxford, Cambridge, Harvard, Columbia, Yale, Princeton, Chicago, Berkeley, Stanford... với mong muốn truyền tải tri thức Phật giáo tiếng Anh sang tiếng Việt đến đông đảo bạn đọc làm tài liệu nghiên cứu Phật giáo, tôn giáo chuyên sâu.

LÃNH ĐẠO DỰ ÁN PHẬT HỌC TINH HOA THẾ GIỚI

HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH

Thượng Tọa Thích Pháp Hòa — Chủ Tịch Dự Án

Thượng Tọa Như Nhiên Thích Tánh Tuệ — Chủ Tịch Dự Án

HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC

Đại đức Pháp Cẩn — Giám Đốc Dự Án

Ni sư Huyền Tâm — Giám Đốc Dự Án

Cô Nguyễn Đoàn Kim Sơn — Giám Đốc Dự Án

Cô Đặng Thị Minh Anh — Giám Đốc Dự Án

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Cô Minh Châu — Trưởng Ban Ngoại Giao

Anh Tuấn Hà — Trưởng Ban Hộ Trì

HỘI ĐỒNG CỐ VẤN

Anh Hoàng Minh Trí — Cố vấn công nghệ

Chị Nguyễn Thị Minh Huệ — Cố vấn công nghệ

HỘI ĐỒNG BẢO TRỢ

Ni sư Nhuận Bình — Trưởng Nhóm Bảo Trợ Củ Chi

Anh Hoàng Ngọc Tùng — Trưởng Nhóm Bảo Trợ Sài Gòn

Chị Nguyễn Thuý Phượng — Trưởng Nhóm Bảo Trợ Fremont

Bác Diệu Kim — Trưởng Nhóm Bảo Trợ trung tâm San Jose

Chị Diệu Hoa — Trưởng Nhóm Bảo Trợ nam San Jose

Minh Trí và Tâm Nguyệt — Trưởng Nhóm Bảo Trợ tây San Jose

Chị Huỳnh Trinh Châu — Trưởng Nhóm Bảo Trợ đông San Jose

Chị Trần Minh Thảo — Trưởng Nhóm Bảo Trợ New York Life

Chị Đỗ Nguyệt và anh Chi — Trưởng Nhóm Bảo Trợ El Sobrante

Chị Mai Thơm — Trưởng Nhóm Bảo Trợ đông Greater Miami

CÁC SÁCH DỰ ÁN
PHẬT HỌC TINH HOA THẾ GIỚI ĐÃ DỊCH VIỆT

1. *Mahavira: Người Anh Hùng Từ Bi*, xuất bản tháng 12/2023 (nguyên tác Mahavira: The Hero of Nonviolence, tác giả Manoj Jain tiến sĩ ở Đại học Boston, nghiên cứu ở Đại học Harvard, xuất bản tiếng Anh năm 2014).
2. *Nguồn Gốc Phật Giáo: Bối Cảnh Hình Thành Những Giáo Lý Ban Đầu*, xuất bản tháng 1/2024 (nguyên tác How Buddhism Began: The Conditioned genesis of the early teachings, tác giả Richard F. Gombrich giáo sư Phật học Đại học Oxford, xuất bản tiếng Anh năm 2006).
3. *Nguồn Gốc Thiên Phật Giáo*, xuất bản tháng 5/2024 (nguyên tác The Origin of Buddhist Meditation, tác giả Alexander Wynne tiến sĩ Phật học Đại học Oxford, xuất bản tiếng Anh năm 2007).
4. *Tìm Hiểu Đức Phật Qua Các Tôn Giáo Phổ Biến ở Ấn Độ và Khởi Nguyên của Phật Giáo*, xuất bản tháng 6/2024 (nguyên tác Haunting the Buddha: Indian Popular Religions and the Formation of Buddhism, tác giả Robert DeCaroli tiến sĩ Phật học Đại học California, Los Angeles, xuất bản tiếng Anh năm 2004).

5. *Tư Tưởng Phật Giáo: Một Giới Thiệu Toàn Diện về Truyền Thống Ấn Độ*, xuất bản tháng 7/2024 (nguyên tác *Buddhist Thought: A Complete Introduction to the Indian Tradition*, ba tác giả đều tiến sĩ Phật học Đại học Oxford: Paul Williams, Alexander Wynne, Anthony Tribe, tái bản lần 2 tiếng Anh năm 2012).
6. *Con Đường Đi Đến Giải Thoát: Bát Chánh Đạo của Đức Phật*, xuất bản tháng 7/2024 (nguyên tác *Steps to Liberation: The Buddha's Eightfold Path*, tác giả thiền sư cư sĩ Gil Fronsdal tiến sĩ Phật học Đại học Stanford, xuất bản tiếng Anh năm 2018).
7. *Toàn Cảnh Phật Giáo: Đức Phật và Phật Pháp*, xuất bản tháng 8/2024 (nguyên tác *Buddhisms: An Introduction*, tác giả John S. Strong tiến sĩ Phật học Đại học Chicago, xuất bản tiếng Anh năm 2015).
8. *Con Đường Đến Hạnh Phúc: Cách Áp Dụng về Khoa Học Hạnh Phúc Để Đưa Đến Thành Công*, xuất bản tháng 9/2024 (nguyên tác *The Happiness Track: How To Apply the Science of Happiness to Accelerate Your Success*, tác giả *Emma Seppälä* tiến sĩ Đại học Stanford, xuất bản tiếng Anh năm 2017).
9. *Động Lực Tôn Giáo và Nguồn Gốc của Đạo Phật: Nghiên Cứu Tâm Lý Học về Nguồn Gốc của Một Tôn Giáo Thế Giới*, xuất bản tháng 10/2024 (nguyên tác *Religious Motivation and the Origins of Buddhism: A Social-Psychological Exploration of the Origins of a World Religion*, tác giả Torkel Brekke tiến sĩ về Phật học Đại học Oxford, xuất bản tiếng Anh năm 2002).
10. *Tham Vấn Tâm Lý Trên Nền Tảng Phật Giáo*, xuất bản tháng 11/2024 (nguyên tác *The Guide to Buddhist Counseling*, tác giả Kin Cheung Lee, tiến sĩ Tâm

lý học Lâm sàng, Đại học Quốc tế Alliant và tiến sĩ Phật học Đại học Hong Kong) xuất bản tiếng Anh năm 2023.

11. *Thời Hoàng Kim của Triết Học Phật Giáo Ấn Độ*, xuất bản tháng 1/2025. (The Golden Age of Indian Buddhist Philosophy), tác giả Jan Westerhoff - Giáo sư Triết học Phật giáo Đại học Oxford, xuất bản tiếng Anh năm 2018.
12. *Những Cuộc Đối thoại với Đức Đạt Lai Lạt Ma về Chánh Niệm, Cảm Xúc, và Chữa Lành* (Healing Emotions: Conversations with the Dalai Lama on Mindfulness, Emotions, and Health, xuất bản tiếng Anh 2003), tác giả Daniel Goleman, tiến sĩ Tâm lý học Lâm sàng tại Đại học Harvard, chấp bút ghi lại những hội thảo của các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau với Đức Đạt Lai Lạt Ma. Bản dịch tiếng Việt tháng 3/2025.
13. *Thánh Đế, Thánh Đạo: Lời Phật Dạy Trực Chỉ Đến Giải Thoát* (Noble Truths, Noble Path: The Heart Essence of the Buddha's Original Teachings, xuất bản tiếng Anh năm 2023), tác giả Tỳ kheo Bodhi - tiến sĩ Triết học tại trường Sau Đại học Claremont. Bản dịch tiếng Việt tháng 4/2025.
14. *Đức Phật Thích Ca: Nghiên Cứu Về Cuộc Đời Một Vị Nhân Thế Giới* (The Buddha: A Beginner's Guide, xuất bản tiếng Anh năm 2009), tác giả John S. Strong—tiến sĩ Phật học Đại học Chicago, giáo sư tại Bates College. Bản dịch tiếng Việt 05/2025.

15. *Những Tinh Túy Chọn Lọc Trong Kinh Tạng Nikāya* (Basic Teachings of the Buddha, xuất bản tiếng Anh năm 2007), tác giả Glenn Wallis - tiến sĩ Phật học Đại học Harvard. Bản dịch tiếng Việt tháng 5/2025.
16. *Lịch sử Phật giáo - Hành trình từ cội nguồn Ấn Độ đến các vùng đất châu Á* (A Concise History of Buddhism, tái bản tiếng Anh năm 2004), tác giả Andrew Skilton – Giáo sư Phật học Đại học Oxford. Bản dịch tiếng Việt tháng 6/2025.

Mục lục

Phàm lệ.....	13
Lời nói đầu.....	15
HÀNH TRÌNH ĐẾN VỚI GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT	18
<i>Phần một. Từ xuất gia tầm đạo đến hình thành giáo đoàn.....</i>	19
<i>Phần hai. Từ kinh điển đến sự truyền bá giáo pháp</i>	22
THUẬT NGỮ VÀ Ý NGHĨA CỦA PHẬT PHÁP	30
<i>Thuật ngữ ♦ Ý nghĩa ♦ Một số kết luận ♦ Lý do chọn kinh điển Pāli</i>	
<i>♦ Kinh là gì?</i>	
ĐỨC PHẬT, ĐỘC GIẢ VÀ KINH VĂN	43
<i>Khởi đầu: nghi vấn về một bậc giác ngộ ♦ Tiến trình xây dựng</i>	
<i>hình mẫu độc giả ♦ Đích đến: không gì có được mà không cần nỗ lực</i>	
<i>♦ Bàn về thân người và tính vô thường ♦ Đức Phật ♦ Giáo lý của</i>	
<i>Đức Phật ♦ Mục đích tối hậu của giáo lý ♦ Trách nhiệm của hành giả</i>	
TIẾP CẬN KINH ĐIỂN	57
<i>Lý do chọn những bài kinh tiêu biểu ♦ Phương pháp đọc hiệu quả</i>	
<i>♦ Mười sáu mệnh đề cốt lõi ♦ Môi trường sống ♦ Mắt định hướng</i>	
<i>♦ Tái định hướng ♦ Lộ trình ♦ Đích đến ♦ Lên đường ♦ Hai lộ</i>	
<i>trình: Hướng đến khổ đau và Hướng đến An lạc</i>	

KINH VĂN

KINH SỐ 1	Con chim ưng.....	66
KINH SỐ 2	Tiểu kinh Mālukya	68
KINH SỐ 3	Kinh Tam Minh	72
KINH SỐ 4	Bài giảng ở Kesamutta.....	89
KINH SỐ 5	Tất cả pháp.....	95
KINH SỐ 6	Bọt nước	96
KINH SỐ 7	Vô ngã tướng	100
KINH SỐ 8	Gánh nặng	103

KINH SỐ 9	Kinh Chuyển Pháp luân.....	105
KINH SỐ 10	Kinh Gotama	109
KINH SỐ 11	Đến bờ bên kia	114
KINH SỐ 12	Niết bàn	115
KINH SỐ 13	Dấu hiệu của pháp hữu vi.....	117
KINH SỐ 14	Dấu hiệu của pháp vô vi.....	118
KINH SỐ 15	Kinh Quán niệm hơi thở	119
KINH SỐ 16	Thiết lập chánh niệm tỉnh giác	128

BÌNH GIẢNG

KINH SỐ 1	Lạc lối khỏi hành xứ bản nhiên	142
KINH SỐ 2	Vướng mắc trong vòng tư biện huyễn hoặc	147
KINH SỐ 3	Đắm chìm trong vọng tưởng về "Đấng Sáng tạo" ...	155
KINH SỐ 4	Tự chứng ngộ chân lý.....	174
KINH SỐ 5	Lãnh địa của sự thể nghiệm trực kiến.....	181
KINH SỐ 6	Quán chiếu: Đây chính là trò ảo thuật.....	185
KINH SỐ 7	Không dấu vết của Ta, của Tôi hay của Tự ngã	191
KINH SỐ 8	Chỉ cần buông bỏ thôi.....	197
KINH SỐ 9	Thực tại	201
KINH SỐ 10	Thế giới	227
KINH SỐ 11	Nơi an trú đích thực	238
KINH SỐ 12	Niết bàn hiển lộ	241
KINH SỐ 13	Cái không phải là nó.....	250
KINH SỐ 14	Tính như thị.....	253
KINH SỐ 15	Cách hành thiền.....	257
KINH SỐ 16	Hướng dẫn sống như một vị Phật.....	276
Lời cảm ơn.....		288
Về tác giả của cuốn sách này		289
Chú thích cuối trang		290
Thông tin dịch giả và hiệu đính gia		292

Phàm lệ

DL: dương lịch.

TDL: trước dương lịch.

Gửi đến thầy tôi, Charles Hallisey

Marco Polo mô tả một cây cầu đá, được xây dựng từng viên một. Hốt Tất Liệt hỏi: “Nhưng viên đá nào là viên đá chống đỡ toàn bộ cây cầu?”

Marco đáp: “Cây cầu không được nâng đỡ bởi bất kỳ viên đá riêng lẻ nào, mà bởi đường vòm do tất cả các viên đá tạo thành”. Hốt Tất Liệt trầm ngâm im lặng một lúc, rồi nói: “Tại sao ông lại nói với ta về những viên đá? Chỉ có vòm cầu mới là điều ta quan tâm.”

Polo đáp: “Không có đá thì làm gì có vòm cầu.”

Italo Calvino,
Invisible Cities (Những thành phố vô hình)

Lời nói đầu

Thiên tài hay kiệt tác về tình yêu và vẻ đẹp không thể được tạo ra theo một khuôn mẫu nhất định, cũng không thể được cấu thành bởi những nguyên tắc được cho là tối ưu. Chúng luôn là kết quả của điều gì đó mới mẻ và bất ngờ, tựa như sức khỏe vậy. Đừng thì thầm những quy tắc của bạn vào tai chúng tôi; chúng tôi cần phải hành xử theo cách riêng của mình.

— Ralph Waldo Emerson

Trong nhiều thiên niên kỷ, trên khắp châu Á, Đức Phật được tôn thờ là bậc “Giác ngộ”, với trí tuệ uyên thâm soi sáng con đường dẫn đến cuộc sống ý nghĩa và an lạc thật sự. Hiện nay, tại phương Tây, giáo lý của Ngài ngày càng được các tín đồ, nhà vật lý, nhà tâm lý cùng các triết gia đánh giá cao và coi là những mô tả sâu sắc về thực trạng con người. Đồng thời, pháp môn thiền mà Ngài chỉ dạy được xem như một phương tiện hữu hiệu để sống tỉnh thức, cũng như nhận biết rõ ràng và bình thản về thực trạng đó.

Mục đích của tác phẩm này là trình bày những giáo lý cốt lõi của Đức Phật, qua đó mời gọi độc giả khám phá trí tuệ siêu việt và vẻ đẹp trong giáo pháp của Ngài. Tuy nhiên, như triết gia Emerson đã nói, một bậc giác ngộ và giáo pháp của Ngài không bao giờ bị giới hạn bởi quy ước thông thường. Vì vậy, một cuốn sách nhằm hệ thống hóa hai *yếu tố* này cần phải có sự giải thích rõ ràng. Bất cứ ai từng tìm hiểu về đề tài này đều biết rằng Phật giáo có vô số biến thể về văn hóa, giáo lý và lịch sử. “Phật giáo” có vẻ như là một khái niệm vô cùng đa dạng và linh hoạt, có thể gọi

lên những hình ảnh phong phú và đôi khi trái ngược nhau, từ nghi lễ trang nghiêm, tính sáng tạo nghệ thuật phong phú, triết lý sâu sắc phức tạp, đến sự trầm tư tĩnh lặng. Chỉ cần ghé qua hiệu sách gần nhà, bạn sẽ thấy Phật giáo xuất hiện dưới nhiều hình thức: Phật giáo qua tụng niệm, qua thiền, qua hội họa, Phật giáo ứng dụng trong trị liệu, võ thuật; Phật giáo trong điện ảnh Hollywood, hay thậm chí trong bảo trì xe máy. Bạn cũng sẽ bắt gặp các trường phái khác nhau như: Đại thừa, Theravāda, Kim Cương thừa, Thiên tông, Thiên minh sát (*Vipassana*), Mật tông, Đại cứu cánh (*Dzogchen*), Tịnh độ tông. Phật giáo còn được biến tấu theo từng quốc gia: Nhật Bản, Tây Tạng, Mỹ, Thái Lan và nhiều nước khác nữa. Giờ đây, chỉ vài trăm ngàn đồng¹ là bạn đã có thể sở hữu ngay cuốn sách *Những tinh túy chọn lọc trong kinh tạng Nikāya* cho người mới bắt đầu!

Vậy làm thế nào để chúng ta có thể nắm bắt được bản chất thực sự của Phật giáo giữa tất cả những biến thể này? Có hai yếu tố quan trọng khiến việc tinh giản “Phật giáo” trở nên khó khăn, trái với mong muốn của nhiều độc giả. Thứ nhất, khác với Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo và Hồi giáo, Phật giáo không phải là “tôn giáo của kinh điển”. Không có một cuốn sách duy nhất nào chứa đựng toàn bộ lời dạy của Đức Phật. Thực tế, Đức Phật không để lại bất kỳ văn bản nào. Trong suốt 45 năm, Ngài đã du hành khắp một vùng rộng lớn, khoảng 1.000 km² ở miền Đông Ấn Độ. Trong thời gian này, Ngài giảng dạy cho mọi người về bản chất của điều mà Ngài gọi là “sự tỉnh thức” – cái nhìn thấu suốt và giải thoát về bản chất của cuộc sống con người. Về sau, những lời dạy của Ngài được cộng đồng Phật tử ở Ấn Độ hệ thống hoá và được ghi chép thành kinh văn tại Sri Lanka, Trung Quốc và các nơi khác (quá trình này sẽ được giải thích chi tiết trong các phần sau). Quá trình giảng dạy gần nửa thế kỷ của Ngài tạo thành

1. Nguyên văn tiếng Anh là \$19,99.

một kho tàng tri thức đồ sộ. Yếu tố thứ hai cản trở việc đơn giản hóa sự đa dạng hiện nay của Phật giáo là mặc dù Đức Phật đã trở thành bậc đạo sư nổi tiếng với số lượng tín đồ đáng kể trong suốt cuộc đời, Ngài không bao giờ tập trung hoá quyền lực của mình. Các học giả cho rằng Đức Phật đã xây dựng tăng đoàn dựa trên mô hình cộng hòa của chính tộc Thích Ca (*Śākya*) ở vùng Đông Bắc Ấn Độ. Dù thế nào đi nữa, không lâu trước khi Đức Phật nhập diệt, Ngài đã nhấn mạnh rằng không ai nắm giữ vai trò quyền lực tối cao. Do đó, khi không có một nhân vật có thẩm quyền tối cao như Đức Giáo hoàng để thiết lập giáo luật, hai hệ quả có thể dự đoán được đã xảy ra: (1) Tăng đoàn bị chia cắt thành nhiều bộ phái, trường phái khác biệt và (2) những tranh luận về học thuyết cũng như sự đa dạng trong cách thực hành (pháp môn tu tập) đã phát triển mạnh mẽ. Kết quả của quá trình phân hóa kéo dài 25 thế kỷ này chính là sự đa dạng phức tạp của các truyền thống Phật giáo mà chúng ta thấy ngày nay trên các kệ sách và tại các trung tâm tu học.

Liệu các truyền thống và tông phái Phật giáo có thể tìm được tiếng nói chung? Liệu có thể dung hòa được rất nhiều học thuyết khác nhau và quy về điểm *tinh túy* như tựa đề của cuốn sách này không? Phải chăng tất cả các truyền thống đều có điểm chung cơ bản? Nếu chúng ta muốn khẳng định, như nhiều học giả và hành giả đã làm, rằng các hình thái khác nhau của Phật giáo về cơ bản là giống nhau, thì một thách thức nữa sẽ nảy sinh: Chúng ta sẽ sử dụng tiêu chí nào để khám phá những điểm chung đó? Cuộc tìm kiếm này gợi nhớ đến nhà toán học Hy Lạp cổ đại Archimedes. Ông từng tuyên bố rằng nếu được cho một điểm tựa thì ông có thể nhắc bổng cả Trái đất. Hãy tưởng tượng xem có một điểm tựa nào như vậy trong Phật giáo không? Nếu đứng trên Trái đất, Archimedes sẽ chỉ xoay theo nó, còn nếu bước ra khỏi Trái đất để tìm chỗ đứng thì ông ấy sẽ rơi vào khoảng không gian

vô tận. Tương tự, chúng ta không thể tìm ra một điểm cố định, tức “điểm Archimedes”, để từ đó đưa ra những nhận định mang tính quy phạm về toàn bộ Phật giáo. Chúng ta buộc phải đưa ra nhận định hoặc từ bên trong một truyền thống Phật giáo cụ thể hoặc là hoàn toàn từ bên ngoài. Cách tiếp cận thứ nhất quá hạn hẹp nếu xét từ góc nhìn tổng thể, trong khi cách tiếp cận thứ hai lại quá rộng nếu xét từ góc nhìn của mỗi truyền thống cụ thể. Trong trường hợp này, liệu khái niệm “những tinh túy chọn lọc” có thực sự mang ý nghĩa gì không? Hay nó chỉ là một khái niệm trừu tượng không có thực?

HÀNH TRÌNH ĐẾN VỚI GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT

Nói một cách đơn giản nhất, tinh túy lời dạy của Đức Phật chính là những nỗ lực trong suốt 45 năm của Ngài nhằm truyền đạt cho tha nhân trí tuệ căn bản (*buddhi*) mà Ngài cho là quan trọng nhất cho hạnh phúc của con người. Ngài gọi sự thấu triệt của mình là “tỉnh thức” (*bodhi*). Vì vậy, các đệ tử của Ngài sau này đã tôn xưng Ngài là “Phật” (*buddha*), nghĩa là “người đã tỉnh thức”. Tất nhiên, chính danh xưng này mà chúng ta có thuật ngữ “Phật giáo” (*Buddhism*). Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào mà giáo lý chỉ từ một con người cụ thể lại có thể phát triển thành vô số hình thái Phật giáo đa dạng như hiện nay? Tất nhiên, câu chuyện về việc tinh túy lời dạy của Đức Phật đã phát triển thành nhiều truyền thống Phật giáo đa dạng: về học thuyết, ngôn ngữ, nghi lễ, văn hóa và tổ chức. Đây là một quá trình vô cùng phức tạp và chi tiết. Để hiểu rõ quá trình này, chúng ta cần thu thập thêm kiến thức từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, bao gồm ngôn ngữ học, khảo cổ học, xã hội học, lịch sử, nhân chủng học cùng nhiều ngành khác. Trong phần này, tôi hy vọng có thể giúp độc giả hình dung được quá trình từ giáo lý căn bản của Đức Phật đã phát triển thành vô số hình thái Phật giáo như chúng ta thấy ngày nay.

Phần một. Từ xuất gia tầm đạo đến hình thành giáo đoàn

Phần đầu của câu chuyện này bao gồm giai đoạn từ khi Đức Phật bắt đầu tìm kiếm trí tuệ giải thoát cho đến khi những lời dạy của Ngài được hệ thống hoá. Cần lưu ý rằng cách kể lại này phần nào mang tính tái hiện và suy đoán. Tuy nhiên, nó được xây dựng dựa trên lẽ thường và một số bằng chứng lịch sử có thật.

Tất Đạt Đa Cù Đàm (Pali: Siddhattha Gotama; khoảng 480-400 TDL; Sanskrit: Siddhārtha Gautama), người thanh niên sau này được biết đến với danh hiệu Đức Phật, đã trải qua sáu năm tầm đạo và tu học dưới sự dẫn dắt của các đạo sư danh tiếng đương thời. Sau đó, Ngài tự mình ẩn cư trong một khu rừng và nỗ lực hành trì. Đối với Gotama, sự “thực hành” không giống như cách thực hành của các tín đồ thuộc tôn giáo đang chiếm ưu thế xã hội thời bấy giờ là những Bà-la-môn theo truyền thống Vệ đà. Họ chú trọng vào việc hiến tế và sùng bái nhằm cầu xin sự ủng hộ từ các thế lực thần thánh được cho là hiện diện khắp vũ trụ. Thay vào đó, Gotama được truyền cảm hứng từ những nhóm hành giả mới xuất hiện, tự gọi mình là sa môn (*Sramaṇa*), nghĩa là “những người tầm đạo” hay “những du sĩ khổ hạnh”. Mặc dù có những khác biệt đáng kể giữa các nhóm sa môn này, nhưng tất cả họ đều có điểm chung là bác bỏ những giả định nền tảng của Bà-la-môn giáo. Những giả định này bao gồm (1) địa vị của kinh Vệ đà – nền tảng giáo lý kinh điển và phong tục của Bà-la-môn giáo, được xem là chân lý tuyệt đối, (2) hệ thống đẳng cấp xã hội (với giai cấp Bà-la-môn ở vị trí tối thượng) là bất khả xâm phạm, (3) sự hiện diện của quyền năng “thần thánh” (*deva*) và (4) sự hiệu nghiệm của các nghi lễ (do những vị Bà-la-môn tạo ra và thực hiện) trong việc điều khiển các quyền năng này để đạt được mục đích mong muốn. Thay vào đó, Gotama thấy được giá trị của những tư tưởng đang lưu truyền trong cộng đồng sa môn, bao gồm (1) vai trò nhân quả

trong suy nghĩ, lời nói và hành động (*karma*) của con người, (2) ảnh hưởng tiêu cực của vô minh (*avidya*) về bản chất thực tại, (3) viễn cảnh về sự tồn tại đau khổ không ngừng (*samsāra*) và (4) khả năng giải thoát bản thân khỏi khổ cùng sự bất như ý của con người (*mokṣa, nirvāṇa*). Có lẽ điều quan trọng nhất là Gotama có chung định hướng cơ bản như những sa môn: thoát khỏi chủ nghĩa siêu nhiên mang tính suy đoán và hướng tới việc thiết lập hạnh phúc thực sự cho con người ngay tại đây và lúc này. Định hướng này cũng chỉ ra rằng thiên, chứ không phải sùng mộ hay hiến tế, là phương pháp hành trì chính yếu cần được thực hành. Thế là Siddhattha Gotama ngồi trong một khu rừng, dưới bóng cây che mát và nỗ lực hành thiền.

Thành quả từ những nỗ lực của Ngài là giác ngộ – tuệ giác sâu sắc về bản chất của thực tại. Với tuệ giác này, Gotama có thể nhận thức rõ vai trò của tâm thức trong việc hình thành các pháp (sắc, thanh, hương, vị, cảm xúc và suy nghĩ), tạo nên trải nghiệm sống của con người, hay nói cách khác, là thực tại. Ngài đã thấy rõ con đường thoát khỏi những tác động gây suy yếu của phản ứng tâm - thân dường như không ngừng nghỉ trong dòng chảy tương tục của các hiện tượng.

Khi đã đạt được trí tuệ viên mãn và thấu hiểu hoàn toàn, Đức Phật Gotama, giống như một số sa môn khác nhưng không phải tất cả, quyết định truyền dạy cho người khác những gì Ngài đã chứng ngộ về bản chất của hiện hữu. Từ đó, Ngài đã dành 45 năm còn lại của cuộc đời để du hóa khắp vùng Đông Ấn Độ, thuyết pháp, tranh luận và giáo hoá cho mọi tầng lớp trong xã hội, bao gồm: thợ mộc, thợ cắt tóc, nông dân, người chăn cừu, du sĩ khổ hạnh, triết gia, hoàng tử và thậm chí cả các vị vua.

Theo thời gian, Đức Phật cũng giống như nhiều bậc thầy vĩ đại, đã phát triển những cách thức cụ thể để truyền đạt những giáo lý của mình một cách nhất quán và dễ tiếp cận đến các tầng

lớp xã hội. Khi giáo lý của Ngài ngày càng phong phú và số lượng đệ tử tăng lên, Ngài đã sắp xếp và phân loại giáo pháp thành các phân chính và phụ. Điều này giúp bảo tồn kiến thức và tạo điều kiện cho việc truyền pháp chính xác, một việc đặc biệt quan trọng trong bối cảnh xã hội Ấn Độ cổ đại, nơi kiến thức chủ yếu được truyền miệng.

Trong suốt cuộc đời Đức Phật, những đệ tử của Ngài, hay còn gọi là “Thanh văn” (*śrāvaka*), đã hình thành một cộng đồng lớn. Nhóm này được gọi là tăng đoàn (*bhikkhu saṅgha*). Khi các tỳ kheo đi hoằng pháp khắp tiểu lục địa Ấn Độ, họ mang theo những giáo lý đã được hệ thống hóa, đồng thời chuyển đổi chúng sang ngôn ngữ địa phương để người bản địa dễ hiểu. Không chỉ có tỳ kheo, cư sĩ tại gia cũng trở thành một phần quan trọng của cộng đồng Phật giáo rộng lớn. Họ hỗ trợ tài vật cho các tu sĩ và thực hành giáo pháp trong đời sống hằng ngày. Dần dần, thông qua hoạt động buôn bán và giao thương, những cư sĩ này đã góp phần quan trọng trong việc lan truyền Phật pháp khắp châu Á, mở rộng ảnh hưởng của Phật giáo ra ngoài biên giới Ấn Độ.

Một số truyền thống Phật giáo cho rằng ngay sau khi Đức Phật nhập diệt, tăng đoàn tỳ kheo đã tổ chức một cuộc kết tập quan trọng. Mục đích chính của cuộc kết tập này là thống nhất cách diễn đạt và sắp xếp có hệ thống những lời dạy của Đức Phật. Cuộc kết tập này còn được gọi là “tụng đọc tập thể” (*saṅgīti*). Việc tổ chức cuộc kết tập như vậy là điều dễ hiểu khi xét đến bối cảnh lịch sử. Ngay khi Đức Phật còn tại thế, các nhóm tu sĩ khác nhau như sa môn (“ấn sĩ”), các tỳ kheo (“khất sĩ”) và “du sĩ” (*parivajaka*) đã lan truyền giáo lý rộng khắp Ấn Độ cổ đại. Họ đã truyền bá giáo pháp đến nhiều vùng có sự đa dạng về văn hóa, địa lý và ngôn ngữ. Sau khi Đức Phật nhập diệt, việc tổ chức một cuộc kết tập là điều cần thiết cả về mặt tinh thần lẫn thực tiễn. Dù sao đi nữa, truyền thống cho rằng ba tháng sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, khoảng

500 vị tỳ kheo đã tụ họp tại thành Vương Xá (*Rajagaha*) ở miền Đông Ấn Độ. Mục đích của họ là cùng nhau tụng đọc, phân loại và phê duyệt hai phần chính của giáo lý: Luật tạng (*vinaya*) và Kinh tạng (*sutta*). Trước mỗi lần trì tụng, vị tỳ kheo phụ trách thường bắt đầu bằng câu: “Đây là điều tôi đã nghe.” Câu này nhằm khẳng định tính xác thực của lời dạy, rằng họ đang thuật lại những bài giảng mà chính họ đã nghe trực tiếp từ kim ngôn của Đức Thế Tôn hay từ những đại đệ tử của Ngài. Sau mỗi lần trì tụng, các tỳ kheo tham dự sẽ thảo luận về độ xác thực của bản trì tụng và cuối cùng xác nhận cách diễn đạt chính xác nhất. Quá trình này không chỉ giúp bảo tồn giáo lý mà còn đảm bảo sự nhất quán trong việc truyền đạt lời Phật dạy. Bằng cách này, giáo lý của Đức Phật đã được hệ thống hóa một cách nghiêm ngặt, tạo nên tảng cho toàn bộ kinh điển Phật giáo đời đầu. Ban đầu, kinh điển chủ yếu bao gồm hai phần: Luật tạng (*Vinaya*) và Kinh tạng (*Sutta/Sutra*). Tuy nhiên, một số truyền thống Phật giáo đề cập đến việc trì tụng loại giáo lý thứ ba trong kỳ kết tập đầu tiên này, hoặc trong các kỳ kết tập sau đó. Từ đây, kinh điển Phật giáo dần dần được gọi là Tam tạng (Sanskrit: *Tripiṭaka*; Pāli: *Tipiṭaka*), nghĩa là “ba kho tàng”, bao gồm Luật tạng (*Vinaya*), Kinh tạng (*Sutta*) và Luận tạng/Vi diệu pháp (*Abhidhamma*) (các tạng này sẽ được giải thích chi tiết hơn trong phần sau).

Phần hai. Từ kinh điển đến sự truyền bá giáo pháp

Phần thứ hai trong lịch sử giáo lý của Đức Phật bắt đầu từ lần hệ thống hoá đầu tiên và kéo dài đến ngày nay. Quá trình này diễn ra qua ba giai đoạn chính: (1) phân chia thành nhiều trường phái, (2) phát triển, mở rộng giáo lý và (3) biến đổi văn hóa trong các cộng đồng Phật giáo qua dòng lịch sử. Quá trình này rất phức tạp và đa chiều, đòi hỏi sự phân tích cẩn thận nhiều dữ liệu lịch sử và văn hóa. Trong phạm vi này, tôi chỉ có thể cung cấp cái nhìn tổng quan về quá trình phát triển giáo lý Phật giáo.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, số lượng các cộng đồng Phật tử tăng lên nhanh chóng vì nhiều lý do. Một trong số những lý do chính cho sự phát triển này là Đức Phật đã khuyến hoá các đệ tử du hành khắp nơi “vì lợi ích cho số đông”. Họ giảng dạy phù hợp với nhu cầu của từng người và sử dụng ngôn ngữ địa phương để truyền đạt giáo lý (cách tiếp cận này khác biệt với một số cộng đồng tôn giáo khác, chẳng hạn như Bà-la-môn theo truyền thống Vệ đà, vốn thường sử dụng ngôn ngữ chuyên biệt như tiếng Sanskrit để giảng dạy). Một yếu tố khác góp phần vào sự gia tăng của các cộng đồng Phật giáo là xu hướng cách tân của các tỳ kheo sống thường trú trong các tịnh xá và tự viện. Thay vì chỉ ở đó trong mùa mưa như thời Đức Phật còn tại thế, họ bắt đầu ở lại thường trú. Điều này có thể là do các đệ tử Phật có khả năng thu hút sự bảo trợ từ cộng đồng cư sĩ. Kết quả của sự phát triển này là số lượng cộng đồng đệ tử Phật tăng lên đáng kể. Đồng thời, các cộng đồng này dần được tổ chức thành thể chế, tạo nên tảng cho sự phát triển và lan rộng của Phật giáo trong những thế kỷ tiếp theo.

Vì vậy, trong khoảng 100 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, nhiều bộ phái Phật giáo đã hình thành khắp Ấn Độ. Các cộng đồng này tất yếu phát triển những điểm khác biệt nhất định, bao gồm: (1) cách luận giải giáo lý, (2) tuân thủ thanh quy tự viện, và (3) những khác biệt về ngôn ngữ, khu vực địa lý và văn hóa. Một yếu tố quan trọng trong việc bảo tồn giáo lý là sự xuất hiện của các nhóm “kinh sư” (Pāli: *bhāṇaka*). Họ được giao nhiệm vụ ghi nhớ, tụng đọc các phần giáo lý cụ thể khi được yêu cầu, và đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn giáo lý được truyền khẩu. Mặc dù các kinh sư thường xuyên kiểm tra các bản kinh họ tụng với nhau, nhưng khác biệt vẫn dần xuất hiện, và các quan điểm có xu hướng trở nên cứng nhắc theo thời gian (quá trình này có thể so sánh với trò chơi “tam sao thất bản” mà chúng ta từng chơi hồi nhỏ, trong đó thông tin có thể

bị thay đổi khi truyền từ người này sang người khác). Truyền thống cho rằng khoảng 100 năm sau kỳ kết tập đầu tiên, kỳ kết tập kinh điển lần hai được tổ chức tại Tỳ Xá Ly (*Vaisali*). Mục đích chính của cuộc kết tập này là nhằm giải quyết những điểm bất đồng đã nảy sinh trong cộng đồng Phật giáo. Mặc dù những điểm dị biệt chủ yếu chỉ liên quan đến thanh quy tự viện nhưng chúng dường như đủ nghiêm trọng để đẩy giáo đoàn đến bờ vực phân phái, chia rẽ.

Thật vậy, vào thời điểm này, các trường phái Phật giáo độc lập (*nikāya*, nghĩa là “phái”) bắt đầu hình thành. Các trường phái này có những định hướng học thuyết khác nhau và cơ cấu tổ chức riêng biệt. Theo truyền thống, đến cuối thiên niên kỷ đầu tiên, đã có khoảng 18 trường phái như vậy. Đôi khi chúng ta có thể thấy được một số điểm tranh cãi trong giới Phật giáo sơ kỳ thông qua tên gọi của các trường phái này. Ví dụ, có trường phái Nhất thiết hữu bộ (*Sarvāstivāda*), tin rằng “tất cả đều tồn tại” (*sarvam asti*). Họ cho rằng các hiện tượng trong quá khứ và tương lai đều có sự tồn tại vật chất thực sự. Phái Kinh lượng bộ (*Sautrāntika*) xem các bài pháp thoại (*sūtra*) của Đức Phật là thước đo hoặc điểm tối hậu (*anta*) quyết định thẩm quyền giáo lý. Thuyết Xuất thế bộ (*Lokottaravāda*) tin rằng Đức Phật có những phẩm chất siêu việt, vượt trên thế gian (*lokottara*). Đôi khi chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của bậc đạo sư trong dòng truyền thừa qua tên gọi của một trường phái, chẳng hạn như Pháp Tạng bộ (Đàm Vô Đức bộ; *Dharmaguptaka*; nghĩa là “đệ tử của ngài Pháp Tạng (Dharmagupta)”), hoặc xuất xứ của trường phái, chẳng hạn như Haimavata (“xuất phát từ vùng Himalaya”). Cuối cùng là Thượng tọa bộ/Theravāda (Sanskrit: *Sthaviravāda*) trở thành dòng Phật giáo chủ đạo ở Sri Lanka, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào. Theravāda tự xem mình là một truyền thống bảo thủ, điều này thể hiện rõ trong tên gọi của họ: “*Thera*” nghĩa là “các bậc trưởng lão” và “*vāda*”

nghĩa là “học thuyết” hay “giáo lý”. Vì vậy, Theravāda có nghĩa là “giáo lý của các bậc trưởng lão”. Thật vậy, qua nhiều thế kỷ cho đến ngày nay, Theravāda vẫn giữ vững lập trường thận trọng chống lại những đổi mới trọng yếu được phát triển bởi các trường phái khác. Trong số “18 trường phái” được đề cập (con số này không nên hiểu theo nghĩa đen), chỉ có Theravāda còn tồn tại như một truyền thống riêng biệt cho đến ngày nay. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là ngay cả Theravāda cũng không tránh khỏi những chia rẽ nội bộ.

Ngoài lịch sử lâu đời và tư tưởng tương đối bảo thủ, còn có những lý do khác khiến Theravāda là một trường phái đặc biệt quan trọng trong Phật giáo. Theo tài liệu lịch sử của Theravāda, vị hoàng đế vĩ đại của Ấn Độ – Ashoka (270-232 TDL) đã cử con trai mình là Mahinda, một nhà sư Phật giáo đến Sri Lanka. Mục đích của Mahinda là truyền bá “chánh pháp” (*dharma*). Tại đây, Mahinda đã thuyết phục vua Tisya cải đạo và thành lập tăng đoàn tỳ kheo đầu tiên trên đảo (cũng giống như vậy, con gái của Ashoka được cho là người đã thành lập giáo đoàn tỳ kheo ni hay các nữ tu Phật giáo đầu tiên). Nhờ sự bảo trợ của hoàng gia trong việc xây dựng các tự viện và hỗ trợ tăng đoàn, Theravāda dễ dàng có được chỗ đứng vững chắc ở Sri Lanka và quả thực vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ cho đến ngày nay.

Nhưng lịch sử ghi lại rằng vào năm 29 TDL, có một sự kiện gây chấn động đối với sự tồn tại của giáo pháp trên đảo. Khi Mahinda đến Sri Lanka, ông đã mang theo toàn bộ kinh điển Phật giáo (có lẽ là thông qua các vị kinh sư đi cùng). Quan điểm truyền thống (không có bằng chứng thực tế) cho rằng các bản kinh do Mahinda mang đến chính xác là bản đã được tụng đọc tại kỳ kết tập kinh điển đầu tiên. Hơn nữa, truyền thống cho rằng bản gốc này ban đầu được truyền tụng nguyên vẹn, được ghi nhớ, lưu giữ trong ký ức của các vị tỳ kheo và tiếp tục được

truyền lại bằng phương pháp khâu truyền trong suốt 200 năm tiếp theo.

Dipavaṃsa (Sử liệu về đảo Lanka), một văn bản lịch sử hoặc gần như lịch sử của Theravāda, ghi lại rằng dưới thời trị vì của vua Vaṭṭhaḡāmani Abaya (29-17 TDL), Sri Lanka trải qua một giai đoạn bất ổn do nội chiến. Trong bối cảnh này, các nhà sư nhận thấy nguy cơ mất mát giáo lý của Đức Phật, vốn chủ yếu được truyền miệng và phụ thuộc vào sự tồn tại của chư tăng ni. Họ lo ngại rằng những giáo lý quý giá này có thể bị thất truyền, các nhà sư đã quyết định ghi chép lại giáo lý trên vỏ cây bạch dương và cất giữ an toàn cho hậu thế. Điều thú vị là từ “*sutta*” trong Pāli có nghĩa là “sợi chỉ” hoặc “khâu lại, may, dệt” (tương tự như từ “*suture*” trong tiếng Anh). Điều này gợi ý rằng các bài giảng của Đức Phật được xem như những sợi chỉ khâu chuỗi các ý tưởng lại với nhau (tương tự, từ “*text*” trong tiếng Anh cũng có nguồn gốc từ từ Latin “*textus*”, có nghĩa là “dệt”, cho thấy mối liên hệ giữa văn bản và hình ảnh về sợi vải được dệt nên).

Quan điểm truyền thống cho rằng những bản kinh này đã bảo tồn nguyên vẹn cả ngôn ngữ gốc lẫn cách diễn đạt nguyên bản lời dạy của Đức Phật. Tuy nhiên, như chúng ta thấy, vấn đề không đơn giản như vậy. Mặc dù vậy, ít nhất ở Sri Lanka, giáo lý của Đức Phật đã tìm được nơi trú ẩn an toàn và vững chắc.

Trong khi giáo lý nguyên sơ của Đức Phật được bảo tồn ở Sri Lanka, phần còn lại của châu Á chứng kiến sự phát triển đáng kể của Phật giáo. Khoảng đầu Công nguyên và tiến vào thời Trung cổ, những tranh luận tương tự đã xảy ra trong các cộng đồng Phật giáo sơ kỳ dẫn đến hai sự phát triển mang tính cách mạng trong Phật giáo. Hướng phát triển mới đầu tiên và rõ rệt được gọi là Đại thừa (*Mahāyāna*). Tên gọi này, “Đại (*mahā*) thừa (*yāna*)”, cho thấy quan điểm của những người theo phái này rằng